

MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á (SEABANK)

● NGUYỄN THÀNH LONG

TÓM TẮT:

Hoạt động tín dụng đem lại thu nhập chính cho các ngân hàng, đặc biệt là các ngân hàng thương mại có quy mô vốn nhỏ, được chuyển đổi từ ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn lên ngân hàng đô thị. Bản thân các ngân hàng do áp lực cạnh tranh để tồn tại, do trình độ quản lý còn yếu trong bối cảnh chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu làm thu nhập, hoạt động kinh doanh của khách hàng vay vốn gặp khó khăn và hậu quả tỷ lệ nợ xấu tại các tổ chức tín dụng ngày càng gia tăng, mà nguyên nhân chính vẫn là rủi ro từ hoạt động tín dụng gây nên. Giải quyết vấn đề rủi ro tín dụng đang là bài toán khó đối với nhiều ngân hàng thương mại nói chung cũng như đối với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank) nói riêng. Do đó, bài viết đã đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro tín dụng tại SeABank.

Từ khóa: Rủi ro tín dụng, quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.

1. Cơ sở lý luận về quản trị rủi ro tín dụng

Phạm trù tín dụng gắn với chuyển nhượng một lượng vốn có 3 đặc điểm chính là: tính tạm thời (tính thời hạn), tính hoàn trả với giá trị lớn hơn giá trị ban đầu và tính chất tin tưởng người sử dụng vốn có khả năng hoàn trả đúng hạn. [1]

Rủi ro (risk) là những thiệt hại, mất mát, nguy hiểm hoặc các yếu tố liên quan đến nguy hiểm, khó khăn, hoặc điều không chắc chắn có thể xảy ra cho con người. [2]

Rủi ro tín dụng là loại rủi ro phát sinh trong quá trình cấp tín dụng của ngân hàng, biểu hiện trên thực tế qua việc khách hàng không trả được nợ hoặc trả nợ không đúng hạn cho ngân hàng. [2]

Quản lý rủi ro tín dụng là quá trình xây dựng và

thực thi các chiến lược, các chính sách quản lý và kinh doanh tín dụng nhằm đạt được các mục tiêu an toàn, phát triển bền vững, tăng cường các biện pháp phòng ngừa, hạn chế và giảm thiểu nợ xấu, nợ quá hạn trong kinh doanh tín dụng, từ đó tăng doanh thu, giảm chi phí và nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong cả ngắn hạn và dài hạn của ngân hàng thương mại. [3]

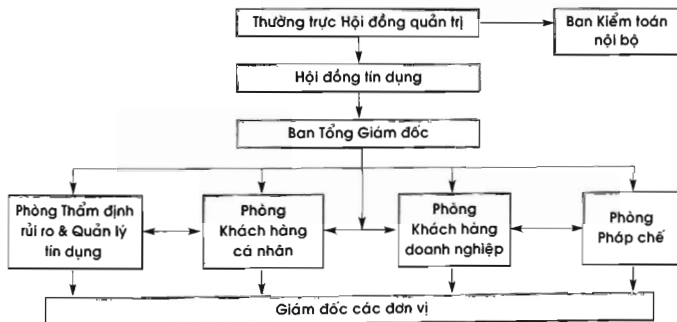
2. Thực trạng quản lý rủi ro tín dụng của SeABank

2.1. Giới thiệu đôi nét về SeABank

Thành lập năm 1994, SeABank trải qua chặng đường 25 năm phát triển để đạt được thành tựu hôm nay với vốn điều lệ 7.688 tỷ đồng và một mạng lưới hoạt động trên khắp 3 miền đất nước

với 162 chi nhánh và điểm giao dịch. SeABank được biết đến là một trong nhóm dẫn đầu các ngân hàng thương mại cổ phần lớn nhất Việt Nam về qui mô vốn điều lệ, mạng lưới hoạt động, mức độ nhận biết thương hiệu và tốc độ tăng trưởng ổn định, cùng với sự hợp tác chiến lược của liên minh cổ đông trong và ngoài nước. SeABank vươn lên khẳng định vị thế bằng những giá trị thực chất và hiệu quả, góp phần đáng kể vào tiềm lực tài chính và giữ vững vị thế dẫn đầu của SeABank trong nhóm các ngân hàng TMCP tại Việt Nam. Hiện nay, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý rủi ro tín dụng của SeABank khá đơn giản, có thể được mô tả qua sơ đồ sau:

Sơ đồ: Tổ chức bộ máy quản lý rủi ro tín dụng của SeABank



Nguồn: Phúc họa của tác giả

2.2. Đánh giá thực trạng quản lý rủi ro tín dụng của SeABank

2.2.1. Đánh giá quy trình quản lý rủi ro tín dụng

- Cơ chế phê duyệt và quản lý rủi ro tín dụng: Thẩm quyền phê duyệt được phân cấp từ Hội đồng quản trị -> Hội đồng tín dụng -> Chuyên gia phê duyệt/Ban tổng giám đốc -> Giám đốc chi nhánh.

- Thẩm định và trình hồ sơ tín dụng
- Thực hiện các thủ tục pháp lý
- Soan thảo hồ sơ, chứng từ trước khi giải ngân
- Giải ngân khoản vay
- Chấm điểm và Xếp hạng tín dụng nội bộ
- Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro

- Kiểm tra, giám sát trước, trong và sau giải ngân

- Xử lý khoản nợ có vấn đề: Đơn vị nào có nợ quá hạn trên 3% sẽ bị cắt quyền phê duyệt và ngừng cho vay. Khi phát sinh các khoản nợ có vấn đề, các trưởng đơn vị cùng với trưởng phòng thu hồi nợ - Khối quản lý rủi ro Hồi sở và Trưởng Phòng pháp chế sẽ làm việc trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc.

2.2. Đánh giá về chính sách tín dụng

- Về phân nhóm khách hàng mục tiêu: SeABank ban hành bộ tiêu chí để đánh giá theo các yếu tố chính như: tình trạng nhân thân, kinh nghiệm quản lý, năng lực điều hành, khả năng tài chính, nguồn

trữ nợ, uy tín, tài sản bảo đảm, thời hạn vay, mục đích vay, ngành nghề và phân loại khách hàng thành 3 nhóm là nhóm khuyến khích cấp tín dụng, nhóm hạn chế cấp tín dụng và nhóm không cấp tín dụng

- Về tình trạng pháp lý: Đối với doanh nghiệp phải có thời gian hoạt động tối thiểu là 1 năm và có địa bàn hoạt động. Khách hàng cá nhân phải dưới 55 tuổi đối với nữ và dưới 60 tuổi đối với nam và phải có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trên cùng địa bàn với đơn vị kinh doanh.

- Về tài sản bảo đảm: Hạn chế cho vay tín chấp, ưu tiên cho vay có tài sản bảo đảm.

- Về chính sách lãi suất và phí: Lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần. Lãi suất tại thời điểm điều chỉnh = lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ + biên độ (theo thỏa thuận ban đầu). Biên độ này sẽ giữ cố định trong suốt thời hạn vay, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

- Về thời hạn cho vay: Thời hạn cho vay trung dài hạn không quá 25 năm và không quá 12 tháng đối với cho vay ngắn hạn.

- Các mục đích ưu tiên cho vay: Vay đầu tư và bổ sung vốn vào sản xuất hàng tiêu dùng, trang trí nội thất, công sản phẩm gia dụng, các sản phẩm điện tử, công nghệ cao, khách sạn, xăng dầu, khí đốt, tài trợ xuất nhập khẩu...

- Các mục đích hạn chế cho vay: Kinh doanh bất động sản, chứng khoán, đầu tư tài chính, khai thác mỏ, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản, thủy điện, văn phòng cho thuê;

- Các giới hạn tín dụng: Tổng dư nợ cấp tín dụng của SeABank đối với một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của SeABank.

Tổng dư nợ cấp tín dụng của SeABank đối với một khách hàng và nhóm khách hàng có liên quan không vượt quá 25% vốn tự có của SeABank, trong đó tổng dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không vượt quá 15% vốn tự có của SeABank.

2.2.3. Đánh giá về thẩm quyền phê duyệt tín dụng

SeABank sử dụng văn hóa phê duyệt tín dụng theo phân cấp từ cấp chỉ nhánh trở lên (không giao quyền cho Phòng giao dịch), chỉ giao duy nhất cho giám đốc chỉ nhánh và không được ủy quyền lại theo trình tự nhất định: Giám đốc Chi nhánh → Ban Tổng giám đốc/Chuyên gia phê duyệt Hội sở → Hội đồng tín dụng. Hội đồng tín dụng được phê duyệt tối đa theo quy định giới hạn tín dụng của SeABank. Ban Tổng giám đốc/Chuyên gia phê duyệt Hội sở được phê duyệt đến 10 tỷ đồng. Giám đốc các chi nhánh được duyệt từ 0 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng.

2.2.4 Đánh giá về quy trình cấp tín dụng

Trong quy trình tín dụng của SeABank có sự phân định trách nhiệm giữa 2 giai đoạn. Đó là giai đoạn thẩm định do nhân viên tín dụng phụ trách, giai đoạn thực hiện các thủ tục pháp lý và giải ngân do nhân viên hỗ trợ tín dụng phụ trách. Việc phân chia này giúp chuyên môn hóa, nâng

cao hiệu quả công việc, kiểm soát rủi ro lẫn nhau, hạn chế sự tiêu cực, gian lận,... từ đó hạn chế được rủi ro tác nghiệp và rủi ro đạo đức. Ngoài ra, việc kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay do cả nhân viên tín dụng, nhân viên hỗ trợ tín dụng và nhân viên xử lý nợ cùng phụ trách.

2.2.5. Đánh giá về quy trình thẩm định khách hàng

- Về pháp lý: Thẩm định về tính hợp pháp, hợp lý và đầy đủ của hồ sơ vay; tình trạng pháp lý của khách hàng vay, của Ban điều hành, của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, của bên bảo lãnh.

- Thẩm định về uy tín và thiện chí trả nợ vay của khách hàng vay, của Ban điều hành và Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên.

- Thẩm định về mục đích sử dụng vốn.

- Thẩm định về tình hình sản xuất kinh doanh.

- Thẩm định kinh nghiệm, năng lực quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh.

- Thẩm định về năng lực và tình hình tài chính.

- Thẩm định về bảo đảm tín dụng.

- Thẩm định về tính hiệu quả và khả thi của dự án/phương án vay.

- Thẩm định về nguồn trả nợ và khả năng trả nợ (với các khoản cho vay trung dài hạn).

2.2.6. Đánh giá về đảm bảo tiền vay

Chỉ nhận tài sản thuộc sở hữu chính chủ hoặc có quan hệ ruột thịt là từ thân phụ mẫu. Hạn chế nhân tài sản bảo đảm của người trên 60 tuổi, số trắng. Tỷ lệ cho vay trên tài sản bảo đảm đối với bất động sản là 70%, đối với động sản là 50 - 70%. Hạn chế nhận tài sản bảo đảm là đất nông nghiệp, cổ phiếu, bất động sản thuộc khu quy hoạch, giải tỏa, hàng tồn kho, khoản phải thu, máy móc thiết bị,... Để việc định giá được khách quan, SeABank cho phép khách hàng được chọn công ty định giá bên ngoài (được SeABank chấp thuận) để định giá độc lập.

2.2.7. Đánh giá về công tác quản lý và xử lý nợ quá hạn

Để quản lý chặt chẽ các khoản vay đến hoặc quá hạn, SeABank thường xuyên, tăng cường theo dõi, kiểm soát việc trả nợ của các khách hàng phát sinh tại các đơn vị. SeABank tiến hành gọi điện nhắc nhở khách hàng và yêu cầu khách hàng xác nhận sẽ thanh toán đầy đủ các khoản gốc và lãi đúng thời hạn thì đơn vị ghi nhận và theo dõi nội bộ tình hình trả nợ đối với các khách

hàng này trước từ 5 - 10 ngày đến hạn trả nợ của khoản vay.

- Trong vòng 05 ngày trước ngày đến hạn trả nợ mà khách hàng chưa thanh toán được các khoản đến hạn thì thường đơn vị và nhân viên phụ trách hồ sơ trực tiếp làm việc với khách hàng, thăm định tình hình thực tế và đánh giá nguồn trả nợ của khách hàng, xác định nguyên nhân khách hàng không trả được nợ đúng hạn và thời điểm khách hàng trả được nợ vay.

- Đơn vị cho vay gửi báo cáo bằng văn bản trình Tổng Giám đốc thông qua Phòng Phân tích và Quản lý tín dụng về các nội dung đã làm việc với khách hàng, tình hình thực tế và đánh giá nguồn trả nợ của khách hàng, xác định nguyên nhân khách hàng không trả được nợ đúng hạn và thời điểm khách hàng trả được nợ vay đối với các khoản nợ có thời gian trễ hạn từ 5 ngày đến 10 ngày.

- Hội đồng tín dụng, đơn vị gửi ngay thông báo thu hồi nợ trước hạn tới khách hàng đối với các khoản nợ quá hạn trên 20 ngày, thu hồi nợ vay để xử lý nợ theo quy định đối với các đơn vị ngoài địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Đồng thời, vào ngày 5 hàng tháng, các đơn vị ngoài địa bàn TP. Hồ Chí Minh thực hiện nghiêm túc việc báo cáo về Hội sở tình hình nợ quá hạn của từng khách hàng.

2.3. Đánh giá hiệu quả quản lý rủi ro tín dụng của SeABank

Tỷ lệ nợ quá hạn của SeABank trong năm những năm gần đây nhìn chung không có nhiều biến động qua các năm và cao so với quy định, vẫn đảm bảo an toàn, điều này được thể hiện cụ thể qua chỉ tiêu nợ xấu thấp.

- Tỷ lệ nợ xấu của SeABank qua các năm đều thấp hơn 3%, điều này cho thấy hoạt động tín dụng vẫn đảm bảo an toàn.

- Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng: tỷ lệ này qua các năm đều thấp, chỉ chiếm khoảng 1,55% tổng dư nợ mỗi năm. Đồng thời, tỷ lệ khả năng bù đắp rủi ro tín dụng cũng thấp và giảm rất nhanh, điều này chứng tỏ dư nợ được bảo đảm bằng bất động sản và giấy tờ có giá và tỷ lệ cho vay/giá trị tài sản bảo đảm bình quân khá thấp nên đã giúp giảm đáng kể số tiền phải trích lập dự phòng rủi ro.

- Tỷ lệ mất vốn (Nợ đã xóa/Dư nợ trung bình) trong những năm gần đây không có nhiều biến động.

3. Một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro tín dụng tại SeABank

3.1. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro tín dụng tại SeABank

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý rủi ro tín dụng

SeABank phải tách Phòng Phân tích và Quản lý tín dụng ra thành 2 phòng đó là: Phòng thăm định rủi ro và Phòng quản lý tín dụng. Nếu làm được việc này, sẽ giúp giảm bớt áp lực công việc, có điều kiện thực hiện chuyên môn hóa và nâng cao hiệu quả quản lý.

- Luôn tìm kiếm và thu hút cho được đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn giỏi, có kinh nghiệm, có đạo đức nghề nghiệp, có tâm huyết và gắn bó với ngân hàng, phải tự xây dựng cho mình quy mô, hình ảnh thương hiệu, uy tín, chế độ đãi ngộ, môi trường làm việc.

- Song song với quá trình tìm kiếm và thu hút nhân sự có chất lượng cao phải tiến hành thanh lọc, kiên quyết loại bỏ những nhân sự yếu kém, thiếu đạo đức nghề nghiệp.

- Chủ động, thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ chuyên môn, về các kỹ năng công việc, về kinh nghiệm thực tế, tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu về kỹ năng phỏng vấn, thu thập thông tin khách hàng vay; kỹ năng lập tờ trình và trình hồ sơ tín dụng với cấp phê duyệt; kỹ năng nhân biết tính hợp pháp, hợp lệ, thật, giả của hồ sơ vay; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng quản lý thời gian; kỹ năng làm việc hiệu quả:..

Hoàn thiện hệ thống thông tin tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng

SeABank cần nhanh chóng xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng để phục vụ cho công tác tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng được hiệu quả, tiện lợi và chuyên nghiệp hơn.

- Tập trung nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành về các lĩnh vực kinh tế chủ yếu như: sắt thép, xi măng, bất động sản, hạ tầng, khách sạn, nhà hàng,... Thông tin thu thập phải đa dạng, cụ thể, đầy đủ và sắp xếp một cách khoa học để dễ dàng tra cứu.

- Cần có cơ chế hợp tác, trao đổi thông tin với các ban ngành như: Sở Kế hoạch & Đầu tư của các tỉnh/thành phố, cơ quan thuế, tòa án.... nơi có khách hàng vay vốn/SeABank đóng trụ sở để

được cung cấp và cập nhật kịp thời và đầy đủ danh sách các khách hàng ngừng hoạt động, giải thể, phá sản, nợ đọng thuế... vì phạm pháp luật....

Tăng cường công tác xử lý nợ có vấn đề

- Giai đoạn thu hồi và xử lý nợ cũng vô cùng quan trọng. Bên cạnh việc rà soát lại hồ sơ, nhân viên ngân hàng cũng phải thường xuyên theo dõi việc trả nợ của khách hàng.

- Sau khi rà soát thẩm định lại khoản vay, khả năng trả nợ của khách hàng, nếu khoản vay vẫn còn có khả năng thu hồi, bộ phận xử lý nợ hoạch định kế hoạch và biện pháp thu hồi; nếu các khoản vay có nguy cơ mất khả năng thu hồi nợ, bộ phận xử lý nợ sẽ chuyển bị phương án xử lý nội bộ, sau đó chuyển hồ sơ sang các cơ quan hữu quan có thẩm quyền thụ lý

- Tăng cường đầu tư tài chính, nguồn nhân lực và công ty quản lý nợ và khai thác tài sản (SeA-Bank AMC) để công ty hoạt động đúng với vai trò của nó, nhằm đẩy mạnh việc khai thác, thanh lý các tài sản đảm bảo đang ứ đọng hiện nay.

3.2. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro tín dụng tại SeABank

- Cần sớm thành lập cơ quan thanh tra giám sát hợp nhất, với vị thế pháp lý và năng lực đầy đủ để thực hiện thanh tra, giám sát toàn diện thị trường tài chính Việt Nam trên cả 3 lĩnh vực là ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật các tổ chức tín dụng theo hướng trao thêm quyền cho Ngân hàng Nhà nước được quyền thanh tra, giám sát các tổ chức, cá nhân là người có liên quan đến các tổ chức tín dụng, đến các cổ đông lớn chiếm trên 5% vốn điều lệ của ngân hàng.

- Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan trong quản lý, điều hành lĩnh vực tài chính tiền tệ cần thực hiện nhất quán các nguyên tắc nhằm hạn chế tối đa và chỉ đưa ra các thông tin liên quan đến thị trường tài chính, tiền tệ, lãi suất, tỷ giá và các giải pháp điều hành của cơ quan quản lý nhà nước cần rõ ràng, minh bạch, nhất quán và có thể dự báo được.

- Ngân hàng Nhà nước cần sớm có biện pháp củng cố các tổ chức tín dụng che giấu các hoạt động có bản chất tín dụng hoặc đảo nợ dưới hình thức các khoản phải thu, trái phiếu doanh nghiệp, ủy thác đầu tư, tạm ứng và tài sản có khác; yêu cầu các tổ chức tín dụng thực hiện hạch toán đúng bản chất của các khoản đầu tư có bản chất tín dụng đó.

- Ngân hàng Nhà nước cần tăng cường tính minh bạch trong hệ thống báo cáo, hạch toán, kế toán.

- Nhanh chóng ban hành Quy chế phối hợp, trao đổi thông tin phục vụ cho hoạt động quản lý rủi ro tín dụng trong hệ thống các tổ chức tín dụng.

- Đối với Bộ Tài chính về việc đăng ký tài khoản khai báo thuế của doanh nghiệp. Đồng thời, ngoài các thông tin phải cung cấp theo quy định, ngân hàng phải có trách nhiệm cung cấp thêm thông tin về tài khoản khai báo thuế của các khách hàng đang có dư nợ cho CIC để CIC cung cấp cho ngân hàng khi hồi thông tin.

- Đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc cung cấp thông tin về người có liên quan (về quan hệ nhân thân, quan hệ sở hữu và quan hệ quản lý), những thông tin này cần phải được sắp xếp khoa học, có hệ thống và cung cấp cho CIC để CIC cung cấp cho ngân hàng hồi tin.

4. Kết luận

Kinh doanh tín dụng là kinh doanh rủi ro. Việc nghiên cứu và áp dụng các biện pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng là nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt trong quá trình hoạt động của các ngân hàng thương mại. Hậu quả của rủi ro tín dụng cũng thường rất nặng nề, không những ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của riêng một ngân hàng nào mà nó còn ảnh hưởng dây chuyền đến cả hệ thống tài chính nói chung và hệ thống ngân hàng nói riêng, cũng như cả nền kinh tế của quốc gia. Do đó, nâng cao chất lượng tín dụng thông qua hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng phải được xem là nhiệm vụ hàng đầu và trọng tâm của SeABank trong giai đoạn hiện nay. Dựa trên những cơ sở lý luận về rủi ro tín dụng và hiệu quả quản lý rủi ro tín dụng, bài viết đi sâu nghiên cứu thực trạng công tác quản lý rủi ro tín dụng và chỉ ra những ưu điểm, hạn chế cùng những nguyên nhân của rủi ro tín dụng tại SeABank. Từ đó, tác giả đã mạnh dạn đề ra những giải pháp cụ thể, khả thi và cần thiết để nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý rủi ro tín dụng tại SeABank. Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước cần đưa ra những giải pháp chính sách mang tính cấp thiết và hiệu quả để nhanh chóng giải quyết tình trạng nợ xấu, khơi thông dòng vốn góp phần giải quyết khó khăn cho doanh nghiệp, khôi phục các thị trường trọng điểm (bất động sản, chứng khoán) và thúc đẩy tăng trưởng bền vững ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Hồ Diệu (2000). *Tin dụng ngân hàng*. NXB Thống kê
2. Trần Huy Hoàng (2011). *Quản trị ngân hàng thương mại*. NXB Lao động Xã hội.
3. Nguyễn Văn Tiến - Phạm Hữu Hồng Thái (2014). *Giáo trình quản trị rủi ro tài chính*. NXB Tài chính.
4. Báo cáo thường niên của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á năm 2011, 2012, 2013, 2014 (đã được kiểm toán).
5. Báo cáo hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á năm 2011, 2012, 2013, 2014 (đã được kiểm toán).
6. Tạp chí Kinh tế phát triển (2013). *Rủi ro tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại tại TP. Hồ Chí Minh*.

Ngày nhận bài: 10/6/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 20/6/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 30/6/2019

Thông tin tác giả:

ThS. NGUYỄN THÀNH LONG

Giảng viên Khoa Kinh tế - Đại học Văn Hiến TP. Hồ Chí Minh

SOME SOLUTIONS AND RECOMMENDATIONS TO IMPROVE THE EFFICIENCY OF CREDIT RISK MANAGEMENT OF SEABANK

● Master. NGUYEN THANH LONG

Lecturer, Faculty of Economics, Van Hien University

ABSTRACT:

Credit sector is the main income source for banks, especially small commercial banks which are converted from rural joint stock commercial banks to urban banks. Due to the increasingly competitive pressure, the weak management and the poor business performance of borrowers, the credit risk is increasing, leading to the higher bad debt ratio. Controlling credit risks is a difficult task for many commercial banks in general as well as for Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank (SeABank) in particular. Therefore, this article has proposed some solutions and recommendations to improve the efficiency of credit risk management of SeABank.

Keywords: Credit risk, credit risk management, Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank.